TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
HĐTS HỆ VLVH ĐỢT 2 NĂM 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ VLVH ĐỢT 2 NĂM 2018

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG VĨNH LONG

NGÀNH: LUẬT

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	KV	ĐT	MÃ TỔ HỢP	ĐIỂM XÉT TUYỂN						XÉT ĐIỂM THPT QG	GHI CHÚ
								MÔN 1	MÔN 2	MÔN 3	TSĐ	ĐƯT	TSĐƯT		
1	Mai Thị Mỹ	Chi	X	17/07/1997	1		C00	4,70	6,40	5,80	17,00	0,75	17,75		
2	Lê Văn	Chuyền		02/08/1982	2NT	03	C00	4,70	5,80	6,50	17,00	2,50	19,50		
3	Trần Quốc	Cường		30/06/1989	2NT	03	C00	6,10	8,00	6,90	21,00	2,50	23,50		
4	Nguyễn Tấn	Đạt		17/03/1984	2NT	03	C00	6,30	7,70	6,80	20,75	2,50	23,25		
5	Trương Thanh	Hòa		25/12/1983	1	03	C00	4,90	6,70	5,60	17,25	2,75	20,00		
6	Nguyễn Thanh	Huy		14/10/1994	2		C00	6,50	6,70	6,00	19,25	0,25	19,50		
7	Huỳnh Yến	Khanh	X	03/05/1989	2NT	03	C00	7,30	5,50	8,20	21,00	2,50	23,50		
8	Phan Văn	Khánh		13/06/1988	2NT	03	C00	6,70	8,30	6,80	21,75	2,50	24,25		
9	Hồ Vũ	Khoa		00/00/1986	2NT	03	C00	6,00	8,40	6,40	20,75	2,50	23,25		
10	Nguyễn Hoàn	Liệt		17/08/1981	2NT	03	C00	5,20	7,20	7,00	19,50	2,50	22,00		
11	Đặng Vũ	Linh		12/11/1991	2	03	A00	9,30	7,80	6,80	24,00	2,25	26,25		
12	Nguyễn Thành	Luân		02/09/1986	2NT	03	A00	7,50	6,40	7,70	21,50	2,50	24,00		
13	Nguyễn Tấn	Lực		08/03/1990	2NT	03	C00	6,80	8,80	7,60	23,25	2,50	25,75		
14	Nguyễn Hữu	Nghĩa		20/12/1989	2	03	C00	5,70	7,10	7,70	20,50	2,25	22,75		
15	Lê Phan Thụy Bích	Ngọc	X	30/10/1989	2		C00	5,10	5,40	7,00	17,50	0,25	17,75		
16	Phạm Tín	Nguỡn		00/00/1984	2NT	03	A00	6,80	7,30	7,40	21,50	2,50	24,00		
17	Phan Ngọc	Nguyên		25/10/1991	2NT	03	C00	6,10	5,60	6,30	18,00	2,50	20,50		
18	Nguyễn Phước	Nguyện		29/03/1994	2NT	03	A00	8,40	8,10	7,00	23,50	2,50	26,00		
19	Dương Hoàng	Nhả		30/04/1987	2NT	03	C00	6,70	8,50	8,20	23,50	2,50	26,00		
20	Phạm Xuân	Nhi		16/04/1991	2	03	C00	7,50	6,50	6,20	20,25	2,25	22,50		
21	Nguyễn Tấn	Phát		07/03/1997	2NT		C00	4,20	7,20	6,40	17,75	0,50	18,25		
22	Nguyễn Thanh	Phong		07/04/1990	2NT	03	C00	6,90	8,80	9,20	25,00	2,50	27,50		

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	KV	ĐT	MÃ TỔ HỢP	ĐIỂM XÉT TUYỂN						XÉT ĐIỂM THPT QG	GHI CHÚ
								MÔN 1	MÔN 2	MÔN 3	TSĐ	ĐƯT	TSĐƯT		
23	Hồ Việt	Quốc		19/02/1986	2NT	03	C00	5.50	8.60	6.50	20.50	2.50	23.00		
24	Nguyễn Văn	Rá		02/03/1980	2	03	C00	6.40	6.70	7.00	20.00	2.25	22.25		
25	Nguyễn Thanh	Sang		00/00/1984	2NT	03	A00	5.50	6.20	6.00	17.75	2.50	20.25		
26	Nguyễn Thành	Tâm		12/12/1987	2NT		A00	5.70	6.30	5.80	17.75	0.50	18.25		
27	Lê Quang	Thắng		03/10/1995	2		A00	5.70	6.80	6.90	19.50	0.25	19.75		
28	Nguyễn Chí	Thanh		19/11/1994	2NT	03	A00	8.60	8.10	7.60	24.25	2.50	26.75		
29	Nguyễn Dương Như	Thảo	X	20/05/1991	2	03	A00	8.80	9.00	9.10	27.00	2.25	29.25		
30	Nguyễn Hồng	Thiệt	X	00/00/1985	2NT		C00	6.20	7.50	7.00	20.75	0.50	21.25		
31	Bùi Văn	Toàn		00/00/1986	2NT	03	B00	5.90	5.70	6.30	18.00	2.50	20.50		
32	Lê Minh	Trọng		10/07/1991	2NT	03	B00	9.10	8.20	7.70	25.00	2.50	27.50		
33	Lê Văn	Tú		25/04/1991	2NT	03	A00	7.60	7.00	7.00	21.50	2.50	24.00		
34	Đặng Văn	Tuấn		19/06/1979	2NT	03	C00	5.80	7.60	7.20	20.50	2.50	23.00		
35	Thái Thanh	Tùng		16/12/1985	2		A00	4.30	5.80	6.40	16.50	0.25	16.75		
36	Hà Thanh	Tùng		25/04/1989	2		C00	5.70	6.80	8.10	20.50	0.25	20.75		
37	Đoàn Hoàng	Vân		24/05/1986	2NT		C00	4.90	7.60	6.60	19.00	0.50	19.50		
38	Lê Phúc	Vinh		14/11/1982	2		A00	6.30	8.00	7.10	21.50	0.25	21.75		
39	Phạm Mỹ	Xuân	X	01/10/1986	2NT	03	C00	5.90	8.60	8.00	22.50	2.50	25.00		

Tổng cộng: 39 thí sinh

Ghi chú: - A00: Môn 1: Toán, Môn 2: Lý, Môn 3: Hóa - A01: Môn 1: Toán, Môn 2: Lý, Môn 3: Tiếng Anh - D01: Môn 1: Văn, Môn 2: Toán, Môn 3: Tiếng Anh

- B00: Môn 1: Toán, Môn 2: Hóa, Môn 3: Sinh - C00: Môn 1: Văn, Môn 2: Sử, Môn 3: Địa

LẬP BẢNG **ỦY VIÊN HĐTS** **CHỦ TỊCH HĐTS**

Nguyễn Văn Chiến